

Số: /KH-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Công điện số 41/CD-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu tăng trưởng cho các địa phương, doanh nghiệp nhà nước để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương và Nghị quyết số 109/NQCP của Chính phủ; UBND tỉnh Lạng Sơn xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG KỊCH BẢN

1. Xác định công nghiệp văn hóa là một trong những động lực tăng trưởng mới của tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, phát huy hiệu quả các nguồn lực văn hóa, con người và tri thức trong phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển công nghiệp văn hóa không chỉ nhằm nâng cao giá trị kinh tế mà còn góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, quảng bá hình ảnh địa phương và tăng cường sức mạnh mềm của tỉnh Lạng Sơn trong quá trình hội nhập.

2. Phát triển công nghiệp văn hóa trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Lấy di sản văn hóa, các loại hình văn hóa dân gian, lễ hội truyền thống, làng nghề, tri thức bản địa và các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Sán Chay, Hoa... làm nền tảng để sáng tạo các sản phẩm văn hóa có giá trị gia tăng cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

3. Phát triển công nghiệp văn hóa theo cơ chế thị trường, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lấy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực, lấy nhu cầu thị trường làm định hướng phát triển sản phẩm. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực của doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội cho phát triển công nghiệp văn hóa.

4. Khai thác hiệu quả lợi thế chiến lược của tỉnh là cửa ngõ giao thương quốc tế trên hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng; phát huy vai trò của hệ thống cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Ga đường sắt Đồng Đăng và các cửa khẩu song phương trong mở rộng thị trường

tiêu thụ sản phẩm văn hóa, thúc đẩy giao lưu văn hóa, du lịch và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có yếu tố xuyên biên giới.

5. Gắn phát triển công nghiệp văn hóa với phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, kinh tế ban đêm và kinh tế số; hình thành chuỗi giá trị từ sáng tạo, sản xuất, quảng bá, phân phối đến tiêu dùng sản phẩm văn hóa. Từng bước xây dựng thương hiệu “Xứ Lạng” trở thành thương hiệu văn hóa - du lịch đặc trưng của khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

6. Ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế so sánh, khả năng tạo doanh thu cao, đóng góp trực tiếp vào GRDP và có khả năng thống kê, lượng hóa giá trị gia tăng, gồm: (1) Du lịch văn hóa; (2) Quảng cáo; (3) Nghệ thuật biểu diễn; (4) Thủ công mỹ nghệ; (5) Điện ảnh; (6) Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; (7) Phát thanh và truyền hình; (8) Xuất bản; (9) Thiết kế sáng tạo; (10) Phần mềm và nội dung số. Trong đó, du lịch văn hóa, quảng cáo, thủ công mỹ nghệ, phát thanh - truyền hình, phần mềm và nội dung số được xác định là những lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng nhanh, khả năng huy động nguồn lực xã hội lớn và đóng góp chủ yếu vào giá trị gia tăng của ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn đến năm 2030.

7. Xây dựng kịch bản tăng trưởng theo hướng khả thi, có lộ trình và bước đi phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh; bảo đảm thống nhất với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các chỉ tiêu tăng trưởng được xây dựng trên cơ sở tiềm năng thị trường, năng lực doanh nghiệp, khả năng huy động nguồn lực đầu tư và yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

8. Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với chuyển đổi số toàn diện; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, nền tảng số và thương mại điện tử trong sáng tạo, sản xuất, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm văn hóa; từng bước hình thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số, mở rộng thị trường tiêu dùng từ phạm vi địa phương đến thị trường quốc gia và quốc tế.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN KỊCH BẢN

1. Điều kiện thực hiện

Kịch bản cơ sở được xây dựng trên giả định nền kinh tế trong nước và của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định; các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển văn hóa, du lịch và dịch vụ được triển khai đồng bộ; không phát sinh các yếu tố bất thường ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm văn hóa.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt và cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thu nhập và mức sống của người dân tiếp tục được cải thiện, tạo điều kiện mở rộng nhu cầu hưởng thụ văn hóa và tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa.

Các dự án đầu tư về văn hóa, du lịch, hạ tầng số, thiết chế văn hóa và các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh được triển khai theo đúng tiến độ; hệ thống giao thông kết nối các khu du lịch, cửa khẩu và trung tâm đô thị tiếp tục được hoàn thiện, tạo thuận lợi cho phát triển thị trường.

Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, các khu di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, các lễ hội truyền thống và hoạt động du lịch cộng đồng tiếp tục được đầu tư, khai thác hiệu quả; lượng khách du lịch tăng trưởng ổn định qua các năm.

Hoạt động thương mại biên giới, xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu quốc tế của tỉnh duy trì tăng trưởng tích cực; chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch, truyền thông và quảng cáo được triển khai đồng bộ, tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm văn hóa.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này tỉnh chưa hình thành các tổ hợp công nghiệp văn hóa quy mô lớn, chưa thu hút được các dự án đầu tư chiến lược về công nghiệp sáng tạo, điện ảnh, nội dung số hoặc các trung tâm sáng tạo cấp vùng; nguồn lực đầu tư vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước và xã hội hóa từng phần.

2. Mục tiêu tăng trưởng

Các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh phát triển theo hướng khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, di sản, cảnh quan thiên nhiên và lợi thế kinh tế cửa khẩu; từng bước mở rộng quy mô thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và đóng góp ngày càng rõ nét vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm (VA) của các ngành công nghiệp văn hóa đạt bình quân khoảng 7,4%/năm trong giai đoạn 2026 - 2030, trong đó: năm 2026 tăng 7,2%; năm 2027 tăng 7,3%; năm 2028 tăng 7,4%; năm 2029 tăng 7,5%; năm 2030 tăng 7,6%.

Đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng **1,0% GRDP của tỉnh**; tổng doanh thu các ngành công nghiệp văn hóa tăng bình quân khoảng **10 - 12%/năm**; số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa tăng ổn định; từng bước hình thành thị trường tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa có sức cạnh tranh, mở rộng từ thị trường trong tỉnh đến các trung tâm kinh tế lớn trong nước và khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

3. Các động lực tăng trưởng chủ yếu

3.1. Du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ lực của các ngành công nghiệp văn hóa, dự kiến đóng góp khoảng **0,40% GRDP**, chiếm khoảng 40% tổng đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào năm 2030. Tập trung khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan và di sản đặc sắc như Khu du lịch Mẫu Sơn, Khu di tích quốc gia đặc biệt Chi Lăng, danh

thắng Nhị Thanh - Tam Thanh, Thành Nhà Mạc, Thung lũng Bắc Sơn cùng hệ thống lễ hội truyền thống, văn hóa các dân tộc Tày, Nùng, Dao và các làng du lịch cộng đồng Quỳnh Sơn, Hữu Liên. Phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch biên giới, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm, kinh tế đêm và các sản phẩm du lịch thông minh; tăng cường liên kết với Hà Nội, Quảng Ninh, Cao Bằng, Bắc Ninh và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 9 - 10%/năm.

3.2. Phát thanh - truyền hình

Phát triển phát thanh - truyền hình theo hướng chuyển đổi số toàn diện, xây dựng hệ sinh thái truyền thông đa nền tảng, tăng cường sản xuất nội dung số, chương trình quảng bá văn hóa, du lịch, kinh tế cửa khẩu và hình ảnh tỉnh Lạng Sơn. Đẩy mạnh các dịch vụ truyền thông, quảng cáo, sản xuất nội dung số và khai thác các nền tảng số nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận công chúng.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 9%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,22% GRDP**.

3.3. Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và thiết kế sáng tạo

Phát triển các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm gắn với thiết kế sáng tạo, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm văn hóa đặc trưng của tỉnh. Khuyến khích sáng tạo các sản phẩm thiết kế bao bì, nhận diện thương hiệu, quà tặng lưu niệm, sản phẩm OCOP, sản phẩm văn hóa và không gian sáng tạo mang thương hiệu “Văn hóa Xứ Lạng”; đẩy mạnh tổ chức các triển lãm, cuộc thi sáng tác, hoạt động nghệ thuật và hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 10 - 12%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,12% GRDP**.

3.4. Thủ công mỹ nghệ

Tiếp tục bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; ưu tiên phát triển các sản phẩm lưu niệm, quà tặng du lịch, sản phẩm OCOP và sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị gia tăng cao. Tăng cường liên kết giữa nghệ nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các đơn vị thiết kế; mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua thương mại điện tử, du lịch và xuất khẩu.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 7 - 8%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,09% GRDP**.

3.5. Quảng cáo

Phát triển ngành quảng cáo theo hướng hiện đại, chuyển dịch mạnh sang môi trường số, đáp ứng yêu cầu quảng bá du lịch, thương mại, sản phẩm OCOP, kinh tế cửa khẩu và các sự kiện văn hóa của tỉnh. Mở rộng hệ thống quảng cáo ngoài trời, màn hình LED, quảng cáo trên nền tảng số và mạng xã hội, góp phần thúc đẩy tiêu dùng và phát triển thị trường sản phẩm văn hóa.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 9%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,06% GRDP**.

3.6. Nghệ thuật biểu diễn

Phát triển nghệ thuật biểu diễn trở thành sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch, lễ hội và kinh tế đêm; bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào các dân tộc; xây dựng các chương trình biểu diễn định kỳ phục vụ khách du lịch và các sự kiện lớn của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các đơn vị nghệ thuật phát triển sản phẩm biểu diễn kết hợp thương mại và du lịch.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 9%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,05% GRDP**.

3.7. Phần mềm, nội dung số và xuất bản

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp nội dung số, xuất bản điện tử và các sản phẩm truyền thông số; phát triển các xuất bản phẩm về lịch sử, văn hóa, du lịch và con người Lạng Sơn dưới nhiều hình thức như sách điện tử, sách nói, sản phẩm đa phương tiện và cơ sở dữ liệu số. Khuyến khích doanh nghiệp phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ mới trong sáng tạo, sản xuất và phân phối nội dung văn hóa.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 10 - 11%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,04% GRDP**.

3.8. Điện ảnh

Khai thác hiệu quả tiềm năng về cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và bản sắc văn hóa để thu hút các đoàn làm phim, chương trình truyền hình, phim tài liệu và các sản phẩm truyền thông. Xây dựng cơ sở dữ liệu bối cảnh quay phim, hỗ trợ hoạt động sản xuất, quảng bá điện ảnh gắn với xúc tiến du lịch và quảng bá hình ảnh địa phương.

Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 9%/năm, đến năm 2030 đóng góp khoảng **0,02% GRDP**.

Đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh Lạng Sơn phân đầu đóng góp khoảng 1,0% GRDP của tỉnh, trong đó du lịch văn hóa (0,40%), phát thanh - truyền hình (0,22%), mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và thiết kế sáng tạo (0,12%) là ba ngành đóng vai trò dẫn dắt, chiếm 74% tổng mức đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa. Các ngành còn lại gồm thủ công mỹ nghệ, quảng cáo, nghệ thuật biểu diễn, phần mềm và nội dung số, xuất bản, điện ảnh là các lĩnh vực hỗ trợ, tạo nền tảng phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa toàn diện, bền vững, góp phần thực hiện mục tiêu đưa công nghiệp văn hóa trở thành động lực tăng trưởng mới của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030.

III. CÁC KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Kịch bản 1 - Kịch bản thấp

1.1. Điều kiện thực hiện

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh thấp hơn dự kiến; sức mua và nhu cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa phục hồi chậm. Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng văn hóa, du lịch và chuyển đổi số còn hạn chế; tiến độ một số dự án trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa chưa có nhiều chuyển biến; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sáng tạo còn ít. Du lịch văn hóa, kinh tế cửa khẩu và thị trường quảng cáo tăng trưởng chậm; chuyển đổi số chưa tạo được đột phá.

1.2. Chỉ tiêu tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp văn hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng **6,0 - 6,8%/năm**.

Đến năm 2030, công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng **0,80 - 0,90% GRDP** của tỉnh.

1.3. Đặc điểm nổi bật

Tăng trưởng chủ yếu vẫn dựa vào du lịch văn hóa và các hoạt động dịch vụ truyền thống; các ngành sáng tạo và nội dung số phát triển chậm, quy mô thị trường chưa được mở rộng đáng kể.

2. Kịch bản 2 - Kịch bản cơ sở (kịch bản điều hành)

2.1. Điều kiện thực hiện

Tỉnh Lạng Sơn hoàn thành cơ bản các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch. Các dự án đầu tư hạ tầng văn hóa, du lịch và chuyển đổi số được triển khai đúng tiến độ. Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn, các khu, điểm du lịch văn hóa, di tích lịch sử tiếp tục phát huy hiệu quả; du lịch biên giới và kinh tế cửa khẩu tăng trưởng ổn định. Chuyển đổi số được triển khai đồng bộ trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, truyền thông và quảng cáo. Chính sách xã hội hóa bước đầu phát huy hiệu quả, thu hút thêm doanh nghiệp tham gia các ngành công nghiệp văn hóa.

2.2. Chỉ tiêu tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp văn hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng **7,4%/năm**, trong đó: Năm 2026 tăng **7,2%**; Năm 2027 tăng **7,3%**; Năm 2028 tăng **7,4%**; Năm 2029 tăng **7,5%**; Năm 2030 tăng **7,6%**. Đến năm 2030, các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng **1,0% GRDP** của tỉnh.

2.3. Cơ cấu đóng góp GRDP giai đoạn 2026 - 2030 của các ngành công nghiệp văn hóa dự kiến như sau:

STT	Ngành công nghiệp văn hóa	Đóng góp GRDP giai đoạn 2026-2030 (%)
1	Điện ảnh	0,02
2	Nghệ thuật biểu diễn	0,05

STT	Ngành công nghiệp văn hóa	Đóng góp GRDP giai đoạn 2026-2030 (%)
3	Phần mềm và nội dung số, Xuất bản	0,04
4	Quảng cáo	0,06
5	Thủ công mỹ nghệ	0,09
6	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và Thiết kế sáng tạo	0,12
7	Du lịch văn hóa	0,40
8	Phát thanh - truyền hình	0,22
Tổng cộng		1,00%

2.4. Đặc điểm nổi bật

Đây là kịch bản có tính khả thi cao nhất đối với điều kiện phát triển của tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn 2026 - 2030. Du lịch văn hóa tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu; đồng thời các lĩnh vực quảng cáo, nội dung số, thủ công mỹ nghệ, truyền thông số và thiết kế sáng tạo từng bước phát triển, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp văn hóa.

3. Kịch bản 3 - Kịch bản tăng tốc (kịch bản cao)

3.1. Điều kiện thực hiện

Tỉnh ban hành và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp văn hóa. Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn được đầu tư đồng bộ và phát huy hiệu quả; hình thành các không gian sáng tạo, kinh tế ban đêm và các sản phẩm văn hóa mới. Thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực truyền thông số, nội dung số, quảng cáo, thiết kế sáng tạo và du lịch văn hóa. Chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ; hình thành hệ sinh thái số phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa. Hợp tác văn hóa, thương mại và du lịch qua biên giới tiếp tục mở rộng.

3.2. Chỉ tiêu tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp văn hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng **8,5 - 9,5%/năm**.

Đến năm 2030, công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng **1,20 - 1,30% GRDP** của tỉnh.

3.3. Đặc điểm nổi bật

Ngoài du lịch văn hóa, các lĩnh vực quảng cáo số, phần mềm và nội dung số, thiết kế sáng tạo, nghệ thuật biểu diễn và thủ công mỹ nghệ phát triển nhanh hơn, tạo động lực mới cho tăng trưởng. Công nghiệp văn hóa từng bước mở rộng quy mô thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế địa phương.

4. Lựa chọn kịch bản điều hành

Trên cơ sở đánh giá điều kiện thực tiễn của tỉnh, **lựa chọn Kịch bản 2 - Kịch bản cơ sở làm kịch bản điều hành chính thức** trong giai đoạn 2026 - 2030.

Theo đó, phần đầu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp văn hóa đạt **bình quân khoảng 7,4%/năm** (năm 2026 tăng 7,2%; năm 2027 tăng 7,3%; năm 2028 tăng 7,4%; năm 2029 tăng 7,5%; năm 2030 tăng 7,6%), đến năm 2030 **đóng góp khoảng 1,0% GRDP của tỉnh**.

Đồng thời, tập trung phát triển du lịch văn hóa, quảng cáo, thủ công mỹ nghệ, nội dung số và các ngành công nghiệp sáng tạo có lợi thế; đẩy mạnh chuyển đổi số, xã hội hóa đầu tư và phát triển thị trường nhằm từng bước đưa công nghiệp văn hóa trở thành một lĩnh vực kinh tế dịch vụ có giá trị gia tăng cao, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của Xứ Lạng.

IV. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hóa

Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 2486/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ tiêu thống kê công nghiệp văn hóa của tỉnh, bảo đảm phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; từng bước lượng hóa đầy đủ đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GRDP.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa; ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao như du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, quảng cáo, thiết kế sáng tạo, nội dung số và thủ công mỹ nghệ.

Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm văn hóa; khuyến khích hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa và kinh tế số.

Hoàn thiện các cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong quản lý và phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường phân cấp, gắn với kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả thực hiện.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực văn hóa, du lịch, quảng cáo, điện ảnh, xuất bản, tổ chức sự kiện và hoạt động sáng tạo; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Xây dựng cơ chế thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp lớn đầu tư vào Khu du lịch Mẫu Sơn, khu vực thành phố Lạng Sơn và các trung tâm du lịch, thương mại, dịch vụ của tỉnh để phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa có quy mô lớn.

2. Phát triển thị trường và mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm công nghiệp văn hóa

Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn theo hướng mở rộng thị trường trong nước, quốc tế và thị trường số; phát triển đồng bộ hệ thống phân phối, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Tăng cường liên kết phát triển công nghiệp văn hóa với các trung tâm kinh tế, du lịch và các địa phương có tiềm năng phát triển công nghiệp văn hóa như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên và các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc nhằm hình thành chuỗi liên kết về sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các tuyến, điểm du lịch văn hóa liên vùng.

Phát huy lợi thế của hệ thống cửa khẩu quốc tế, đặc biệt là Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Ga đường sắt quốc tế Đồng Đăng và các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy giao lưu văn hóa, thương mại văn hóa, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hóa; mở rộng hợp tác với các địa phương của Trung Quốc và các thị trường quốc tế tiềm năng, góp phần hình thành trung tâm giao lưu, phân phối và xuất khẩu sản phẩm văn hóa của khu vực biên giới.

Phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm văn hóa tại các khu, điểm du lịch, trung tâm thương mại, khu kinh tế cửa khẩu, phố đi bộ, điểm du lịch cộng đồng, trung tâm dịch vụ và các không gian sáng tạo; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, kinh tế nền tảng và các nền tảng số trong quảng bá, kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP, quà tặng lưu niệm, sản phẩm thiết kế sáng tạo và nội dung số.

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, làng nghề và các chủ thể sáng tạo tham gia các hội chợ, triển lãm, tuần văn hóa, hội nghị xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch trong nước, quốc tế; tăng cường kết nối với các hệ thống phân phối lớn, các sàn thương mại điện tử và đối tác trong, ngoài nước nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp văn hóa.

Tập trung xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu **“Văn hóa Xứ Lạng”** gắn với hệ thống giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh như Khu du lịch Mẫu Sơn, Lễ hội Kỳ Cùng - Tả Phủ, Khu di tích Chi Lăng, văn hóa Tày - Nùng, nghệ thuật hát Then, đàn Tính, ẩm thực truyền thống, các làng nghề và sản phẩm thủ công đặc sắc, tạo dựng hình ảnh nhận diện thống nhất cho các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa của tỉnh.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp văn hóa thông qua việc phát huy các cơ chế giao lưu, hợp tác giữa tỉnh Lạng Sơn với các địa phương, đối tác nước ngoài; tăng cường phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để quảng bá hình ảnh, thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn lực, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các

sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa của tỉnh trên thị trường khu vực và quốc tế.

3. Phát triển nguồn nhân lực và huy động nguồn lực cho công nghiệp văn hóa

Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hóa gắn với nhu cầu phát triển từng ngành, lĩnh vực, yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị, năng lực sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong các ngành công nghiệp văn hóa.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển đổi số, kinh tế số và quản trị các ngành công nghiệp văn hóa; đồng thời hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghệ nhân, văn nghệ sĩ, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người lao động hoạt động trong các lĩnh vực du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thủ công mỹ nghệ, quảng cáo, thiết kế sáng tạo, điện ảnh, xuất bản và các ngành công nghiệp văn hóa khác.

Tăng cường liên kết với các trường đại học, học viện, cơ sở đào tạo chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, du lịch, công nghệ thông tin, kinh tế và truyền thông nhằm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích phát triển đội ngũ chuyên gia về thiết kế sáng tạo, truyền thông số, sản xuất nội dung số, trí tuệ nhân tạo, marketing số, thương mại điện tử và các công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tôn vinh và đãi ngộ đối với nghệ nhân, chuyên gia, nhà sáng tạo, doanh nhân văn hóa và các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho phát triển công nghiệp văn hóa; thúc đẩy phong trào khởi nghiệp sáng tạo trong thanh niên, doanh nghiệp trẻ, hợp tác xã và các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

Xây dựng cơ chế huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp về thuế, tín dụng, đất đai, hạ tầng và các chính sách hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế như nội dung số, phần mềm, du lịch văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế sáng tạo và các ngành công nghiệp văn hóa khác theo quy định của pháp luật. Chủ động huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, vốn ODA, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các quỹ hỗ trợ phát triển, cùng nguồn lực từ các tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước để triển khai các dự án trọng điểm về phát triển công nghiệp văn hóa của tỉnh.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng và không gian sáng tạo văn hóa

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp theo quy hoạch của tỉnh; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các công trình văn hóa hiện có.

Tập trung đầu tư phát triển Khu du lịch Mẫu Sơn trở thành trung tâm du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng, trải nghiệm sáng tạo và kinh tế đêm của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Hình thành các không gian văn hóa sáng tạo, trung tâm tổ chức sự kiện, phố đi bộ, phố văn hóa, không gian nghệ thuật cộng đồng tại các phường Kỳ Lừa, Tam Thanh, Đông Kinh và Lương Văn Tri.

Đầu tư nâng cấp hệ thống bảo tàng, thư viện, trung tâm văn hóa nghệ thuật, khu trưng bày, triển lãm, sân khấu biểu diễn phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa.

Xây dựng các điểm giới thiệu, trưng bày, bán sản phẩm văn hóa, sản phẩm OCOP và sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại các khu du lịch, cửa khẩu và trung tâm thương mại.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư các tổ hợp vui chơi giải trí, công viên văn hóa, trung tâm biểu diễn nghệ thuật, khu trải nghiệm văn hóa dân tộc và các sản phẩm du lịch đêm.

Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng dữ liệu, trung tâm điều hành du lịch thông minh và hạ tầng số phục vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa số

Triển khai chương trình chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; gắn phát triển công nghiệp văn hóa với kinh tế số và xã hội số.

Đẩy mạnh số hóa di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; xây dựng ngân hàng dữ liệu số về di tích, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian, làng nghề, danh lam thắng cảnh và các giá trị văn hóa đặc sắc của tỉnh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia về văn hóa.

Phát triển các sản phẩm văn hóa số như triển lãm trực tuyến, bảo tàng số, thư viện số, sách điện tử, phim tài liệu số, video quảng bá du lịch, ứng dụng du lịch thông minh và sản phẩm trải nghiệm thực tế ảo.

Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ tham gia phát triển nội dung số, trò chơi điện tử, sản phẩm truyền thông đa phương tiện, nền tảng quảng bá du lịch và văn hóa địa phương.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề ứng dụng công nghệ số trong quản trị, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm văn hóa.

Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, bán vé điện tử, quản trị điểm đến thông minh và khai thác dữ liệu lớn trong hoạt động du lịch, văn hóa.

Phấn đấu đến năm 2030 hình thành hệ sinh thái sản phẩm văn hóa số của tỉnh, tạo động lực tăng trưởng mới cho các ngành phần mềm, nội dung số, quảng cáo số, truyền thông số và thiết kế sáng tạo.

6. Tập trung triển khai các dự án động lực và các giải pháp bảo đảm thực hiện

Tập trung huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn lực để triển khai các dự án trọng điểm có tính đột phá, tạo động lực phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, góp phần hình thành các cực tăng trưởng mới và nâng cao đóng góp của công nghiệp văn hóa vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ưu tiên đầu tư phát triển Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn trở thành trung tâm du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng, giải trí và sáng tạo của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; xây dựng không gian văn hóa, thương mại, dịch vụ và kinh tế đêm khu vực Kỳ Lừa - Tam Thanh - Đông Kinh - Lương Văn Tri, hình thành các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực, mua sắm và trải nghiệm đặc trưng.

Đẩy mạnh xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu “Văn hóa Xứ Lạng” gắn với các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương; phát triển các chương trình nghệ thuật biểu diễn định kỳ phục vụ khách du lịch; xây dựng các sản phẩm biểu diễn mang thương hiệu riêng của Lạng Sơn; phát triển hệ thống sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm OCOP văn hóa, quà tặng lưu niệm và các sản phẩm thiết kế sáng tạo gắn với chuỗi giá trị du lịch, thương mại và xuất khẩu.

Đầu tư phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa số và Trung tâm dữ liệu văn hóa tỉnh Lạng Sơn; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và các công nghệ số trong bảo tồn, sáng tạo, sản xuất, quảng bá và kinh doanh sản phẩm công nghiệp văn hóa; xây dựng nền tảng số thống nhất phục vụ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm văn hóa trên thị trường trong nước và quốc tế.

Xây dựng cơ chế huy động các nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế và các cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với các lĩnh vực có tiềm năng phát triển; đồng thời tích cực huy động nguồn vốn ODA, vốn đầu tư nước ngoài và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các dự án trọng điểm.

Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa theo hướng phát triển đồng thời thị trường trong nước, quốc tế và thị trường số; phát huy lợi thế của Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Ga đường sắt quốc tế Đồng Đăng và hệ thống cửa khẩu trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy giao lưu văn hóa, thương mại văn hóa và xuất khẩu sản phẩm; phát triển hệ thống giới thiệu, phân phối sản phẩm tại các khu du lịch, trung tâm thương mại, khu kinh tế cửa khẩu, phố đi bộ và các không gian sáng tạo; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối với các hệ thống phân phối và các nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý,

nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà sáng tạo và nguồn nhân lực trong các lĩnh vực thiết kế sáng tạo, nội dung số, truyền thông, marketing số và quản trị doanh nghiệp văn hóa; tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời có cơ chế thu hút chuyên gia, nghệ nhân và nhân lực chất lượng cao tham gia phát triển công nghiệp văn hóa của tỉnh.

Việc triển khai đồng bộ các dự án động lực cùng với các giải pháp về cơ chế, nguồn lực, thị trường, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực sẽ tạo nền tảng vững chắc để thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng các ngành công nghiệp văn hóa, đưa công nghiệp văn hóa trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Là cơ quan đầu mối điều phối, theo dõi, tổng hợp và đánh giá việc triển khai Kế hoạch này trên phạm vi toàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các sở, ban, ngành liên quan và UBND nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện Kế hoạch.

Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển các ngành công nghiệp văn hóa thuộc phạm vi quản lý; tiếp tục triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh phê duyệt.

Chủ trì rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, nhất là cơ chế phối hợp liên ngành, chính sách ưu đãi về vốn, thuế, đất đai và khuyến khích sáng tạo đối với văn nghệ sĩ, các tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp.

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các sở, ngành liên quan phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chủ trì phối hợp với Thống kê tỉnh xây dựng hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá và cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa.

Định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; năm 2028 chủ trì tham mưu tổ chức đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Kế hoạch; năm 2030 tổ chức tổng kết giai đoạn.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, **bổ trí** kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, **tham mưu** UBND tỉnh trình HĐND xem xét, quyết định.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp văn hóa trong nhà trường hàng năm và giai đoạn, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của tỉnh.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, xây dựng, đưa nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa vào Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh hàng năm và giai đoạn.

5. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thúc đẩy các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế; xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh ra thị trường quốc tế.

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản của tỉnh Lạng Sơn gắn với bản sắc văn hóa của tỉnh. Phối hợp xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển các làng nghề, hợp tác xã thủ công mỹ nghệ.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; đẩy mạnh chuyển đổi số; phối hợp triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất và không gian công cộng phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa; tiếp tục triển khai Chương trình quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với các tiêu chí về văn hóa, tăng trưởng xanh và bền vững.

9. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị, hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng đối với các công trình, dự án, không gian sáng tạo, thiết chế văn hóa, khu du lịch, phố đi bộ, không gian công cộng, công trình biểu tượng, điểm trưng bày, triển lãm, trung tâm tổ chức sự kiện phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa; hướng dẫn, phối hợp kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng,

kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Thống kê tỉnh

Chủ trì xác định, đo lường và định kỳ cung cấp số liệu về mức đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GRDP của tỉnh.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc cung cấp số liệu theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam có liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa của tỉnh phục vụ công tác quản lý, đánh giá và điều chỉnh chính sách.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương; lồng ghép các nội dung phát triển công nghiệp văn hóa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ.

Chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan quản lý, hướng dẫn, hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động công nghiệp văn hóa phù hợp tại địa phương.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của các ngành công nghiệp văn hóa đúng định hướng chỉ đạo của tỉnh.

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, phát triển sản phẩm, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương; tạo điều kiện, cử cán bộ văn hóa xã hội tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản lý và phát triển công nghiệp văn hóa do cấp có thẩm quyền tổ chức.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai, thực hiện kịch bản tăng trưởng các ngành công nghiệp văn hóa tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và các địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện; định kỳ **báo cáo hằng năm trước ngày 25/11** về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để tổng hợp, đánh giá và tham mưu chỉ đạo kịp thời./.

Nơi nhận :

- Bộ VH-TT-DL;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, PCVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(VTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

Phụ lục

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kịch bản 1 (thấp)	Kịch bản 2 (cơ sở điều hành)	Kịch bản 3 (tăng tốc)
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm các ngành công nghiệp văn hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030	%/năm	6,0 - 6,8	7,4	8,5 - 9,5
2	Tốc độ tăng trưởng doanh thu các ngành công nghiệp văn hóa bình quân giai đoạn 2026 - 2030	%/năm	8,0 - 9,0	10,0 - 11,0	12,0 - 13,0
3	Đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GRDP của tỉnh đến năm 2030	%	0,80 - 0,90	1,00	1,20 - 1,30
3.1	<i>Điện ảnh</i>	% GRDP	0,02	0,02	0,03
3.2	<i>Nghệ thuật biểu diễn</i>	% GRDP	0,04	0,05	0,07
3.3	<i>Phần mềm và nội dung số, Xuất bản</i>	% GRDP	0,03	0,04	0,08
3.4	<i>Quảng cáo</i>	% GRDP	0,05	0,06	0,08
3.5	<i>Thủ công mỹ nghệ</i>	% GRDP	0,07	0,09	0,11
3.6	<i>Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và Thiết kế sáng tạo</i>	% GRDP	0,10	0,12	0,16
3.7	<i>Du lịch văn hóa</i>	% GRDP	0,31	0,40	0,49
3.8	<i>Phát thanh - truyền hình</i>	% GRDP	0,18	0,22	0,28
	Tổng cộng	% GRDP	0,80	1,00	1,30